

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*(Dạng đầy đủ)*

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		613 775 995 710	636 729 130 590
I - Tiền và các khoản tương đương tiền	110		13 773 855 133	22 563 734 604
1. Tiền	111	V.01	13 773 855 133	22 563 734 604
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20 540 479 334	19 576 917 731
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	21 220 479 334	20 256 917 731
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	V.03	(680 000 000)	(680 000 000)
III - Các khoản phải thu	130		365 366 413 953	380 164 766 354
1. Phải thu khách hàng	131	V.04	345 204 589 776	361 182 923 402
2. Trả trước cho người bán	132	V.05	10 714 164 290	8 446 046 986
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.06	18 789 089 760	19 877 225 839
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.07	(9 341 429 873)	(9 341 429 873)
IV - Hàng tồn kho	140		193 604 903 381	193 068 729 835
1. Hàng tồn kho	141	V.08	193 604 903 381	193 068 729 835
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.09		
V - Tài sản ngắn hạn khác	150		20 490 343 909	21 354 982 066
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	72 597 506	94 091 859
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9 369 002 922	9 296 197 934
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154	V.11	2 528 435 178	2 596 325 939
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.12	8 520 308 303	9 368 366 334
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		529 620 008 440	532 166 260 424
I - Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II - Tài sản cố định	220		296 387 910 860	297 256 317 410
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	9 257 748 036	10 126 154 586
- Nguyên giá	222		38 599 403 759	38 599 403 759
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29 341 655 723)	(28 473 249 173)

A	B	C	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	1 154 214 755	1 154 214 755
- Nguyên giá	228		1 154 214 755	1 154 214 755
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	285 975 948 069	285 975 948 069
III - Bất động sản đầu tư	240		41 109 000 000	41 109 000 000
- Nguyên giá	241		41 109 000 000	41 109 000 000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		189 292 320 148	189 292 320 148
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.16	152 600 327 612	152 600 327 612
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	46 253 100 000	46 253 100 000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	1 388 100 000	1 388 100 000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	259	V.19	(10 949 207 464)	(10 949 207 464)
V - Tài sản dài hạn khác	260		2 830 777 432	4 508 622 866
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	1 224 330 428	1 602 137 541
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	848 099 151	2 105 611 625
3. Tài sản dài hạn khác	268		758 347 853	800 873 700
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1 143 396 004 150	1 168 895 391 014
			()	
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1 075 564 983 322	1 095 317 271 900
I - Nợ ngắn hạn	310		860 404 862 383	890 080 932 381
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.22	440 916 997 031	451 560 040 153
2. Phải trả người bán	312	V.23	189 987 374 994	221 937 124 499
3. Người mua trả tiền trước	313	V.24	12 272 669 965	4 858 697 478
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	314	V.25	2 233 764 835	2 257 899 539
5. Phải trả công nhân viên	315		985 787 000	1 263 355 900
6. Chi phí phải trả	316	V.26	61 365 875 483	56 932 258 658
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.27	150 113 338 247	148 736 501 326
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.28	1 870 935 322	1 870 935 322
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.32	658 119 506	664 119 506
II - Nợ dài hạn	330		215 160 120 939	205 236 339 519
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.29	113 291 050 670	103 283 566 200
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.30	101 869 070 269	101 952 773 319
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			

A	B	C	Số cuối kỳ	Số đầu năm
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.31		
7. Doanh thu chưa thực hiện	338			
8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		67 831 020 828	73 578 119 114
I - Vốn chủ sở hữu	410	V.33	67 831 020 828	73 578 119 114
1. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	411		100 150 690 000	100 150 690 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		81 585 637 916	81 585 637 916
3. Vốn khác của Chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1 012 784 684)	(1 012 784 684)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		12 292 918 740	12 292 918 740
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		10 106 668 938	10 106 668 938
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(135 292 110 082)	(129 545 011 796)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			1 143 396 004 150	1 168 895 391 014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư hàng hóa giữ hộ, nhân gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký cược, ký quỹ				
4. Nợ khó đòi đã xử lý		V.34	385 152 195	385 152 195
5. Ngoại tệ các loại				
Dollar Mỹ (USD)			918.54	1 239.08
Euro (EUR)				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2015

NGƯỜI LẬP



Trương Quốc Cường

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Thanh Tuấn



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Công Quốc Bảo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015


STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 1		Lũy kế từ đầu năm đến 31/03/2015	
				Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	82,010,325,045	235,323,263,802	82,010,325,045	235,323,263,802
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		82,010,325,045	235,323,263,802	82,010,325,045	235,323,263,802
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	79,985,510,379	230,905,557,965	79,985,510,379	230,905,557,965
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2,024,814,666	4,417,705,837	2,024,814,666	4,417,705,837
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5,969,574,536	3,571,305,048	5,969,574,536	3,571,305,048
7	Chi phí tài chính	22	VI.4	8,535,028,040	17,611,722,724	8,535,028,040	17,611,722,724
	Trong đó : chi phí lãi vay	23		8,518,351,094	17,611,722,724	8,518,351,094	17,611,722,724
8	Chi phí bán hàng	24	VI.5	1,499,931,603	881,534,424	1,499,931,603	881,534,424
9	Chi phí quản lý Doanh nghiệp	25	VI.6	2,373,124,610	3,320,348,635	2,373,124,610	3,320,348,635
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4,413,695,051)	(13,824,594,898)	(4,413,695,051)	(13,824,594,898)
11	Thu nhập khác	31	VI.7		14,700,000	-	14,700,000
12	Chi phí khác	32	VI.8		33,067,067	-	33,067,067
13	Lợi nhuận khác	40		-	(18,367,067)	-	(18,367,067)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4,413,695,051)	(13,842,961,965)	(4,413,695,051)	(13,842,961,965)
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		75,890,761	121,036,099	75,890,761	121,036,099
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1,257,512,473	243,287,356	1,257,512,473	243,287,356
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5,747,098,286)	(14,207,285,420)	(5,747,098,286)	(14,207,285,420)
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9				

NGƯỜI LẬP



Trương Quốc Cường

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Thanh Tuấn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2015



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Công Quốc Bảo

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 04a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	NĂM 2015	NĂM 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		(4,413,695,051)	(53,101,565,894)
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
-	Khấu hao tài sản cố định	02	V.13	868,406,550	4,279,639,213
-	Các khoản dự phòng	03		-	(2,796,454,377)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(2,793,493)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.7, VI.8	(558,055,729)	(5,776,889,845)
-	Chi phí lãi vay	06	VI.4	8,518,351,094	60,403,978,646
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				
	trước thay đổi vốn lưu động	08		4,415,006,864	3,005,914,250
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		15,262,822,053	225,129,102,281
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(536,173,546)	9,406,862,297
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(21,267,809,188)	(135,611,057,183)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		399,301,466	2,362,014,569
-	Tiền lãi vay đã trả	13	V.27, VI.4	(932,259,543)	(26,494,006,533)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.26	-	(44,194,301)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		421,200,000	5,889,193,865
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.34, V.35	(427,200,000)	(2,221,412,513)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2,665,111,895)	81,422,416,732
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản	21	V.13, V.14	-	(277,832,886)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài	22	VI.7	-	5,319,346,399

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	NĂM 2015	NĂM 2014
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9,000,000,000)	(8,221,958,397)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8,036,438,397	39,700,000,000
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(37,520,954,179)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		10,007,484,470	
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		558,055,729	4,417,048,821
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		9,601,978,596	3,415,649,758
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.34		-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	V.34		
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.23, V.32	297,296,950	273,161,651,264
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.23, V.32	(16,024,043,122)	(357,519,775,811)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.34	-	-
		37			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15,726,746,172)	(84,358,124,547)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(8,789,879,471)	479,941,943
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	VI.1	22,563,734,604	22,080,999,168
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	2,793,493
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	13,773,855,133	22,563,734,604

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2015

LẬP BIỂU



Trương Quốc Cường

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Thanh Tuấn



Trần Công Quốc Bảo

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TẠI NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, xây dựng, đầu tư, sản xuất, dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, chất phụ gia bê tông, nguyên vật liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiêu thụ công nghiệp;
Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp và các công trình xây dựng khác;
Đầu tư kinh doanh nhà, xe máy thiết bị, phụ tùng và các phương tiện vận tải, hàng điện tử, gốm sứ, các sản phẩm nhựa, cao su, nông sản, thực phẩm;
Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa, kho bãi (không được sản xuất vật liệu xây dựng, nhựa, cao su; chế biến thực phẩm tươi sống trong khu dân cư tập trung ở TP. Hồ Chí Minh);
...

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1. Năm tài chính:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là năm tài chính thứ 12 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho:

- Nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa tồn kho: thực tế đích danh.
- Thành phẩm tồn kho: bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang đối với hoạt động xây lắp: được đánh giá theo tỷ lệ hoàn thành công trình.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo TT 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06-25
Máy móc và thiết bị	02-20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-10

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

6. Chi phí đi vay:

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

7. Chi phí trả trước dài hạn:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

8. Đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 2% trên doanh thu.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ:

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Cổ phiếu quỹ:

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

13. Cổ tức:

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:	01/01/2015	:	21.246 VND/USD
	31/03/2015	:	21.458 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Hợp đồng xây dựng:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

18. Bên liên quan:

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	581.347.168	1.084.298.678
Tiền gửi ngân hàng	13.192.507.965	21.479.435.926
Cộng	<u>13.773.855.133</u>	<u>22.563.734.604</u>

2. Đầu tư ngắn hạn:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	2,015.000.000	2,015.000.000
Cổ phiếu	2,015.000.000	2,015.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư ngắn hạn khác	19.205.479.334	18.241.917.731
<i>Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm (*)</i>	<i>11.581.000.000</i>	<i>10.617.438.397</i>
<i>Đầu tư ngắn hạn khác(**)</i>	<i>7.624.479.334</i>	<i>7.624.479.334</i>
Cộng	<u>21.220.479.334</u>	<u>20.256.917.731</u>
<p>(*) Khoản tiền này đã được thế chấp để đảm bảo nợ vay tại các Ngân hàng MB; VIB, SHB - Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên sáu tháng tại các ngân hàng thương mại với số tiền là 11.581.000.000 đồng, nhằm đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.</p> <p>(**) Khoản tiền cho các công ty liên doanh, liên kết, cá nhân và các công ty khác vay.</p>		
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn:		
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.		
Số đầu năm		<u>680.000.000</u>
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ		<u>680.000.000</u>
4. Khoản phải thu của khách hàng:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng là các đơn vị thành viên	6.545.334.246	6.786.264.568
Khách hàng bên ngoài	338.659.255.530	354.396.658.834
Cộng	<u>345.204.589.776</u>	<u>361.182.923.402</u>
5. Trả trước cho người bán:		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp xi măng	1.412.208.328	97.499.942
Nhà cung cấp vật tư khác	533.228.129	
Nhà cung cấp dịch vụ - vận chuyển	57.250.000	69.788.680
Nhà cung cấp sắt thép	537.056.300	104.336.831
Nhà thầu phụ	2.366.973.155	2.366.973.155
Kinh doanh đất	5.807.448.378	5.807.448.378
Cộng	<u>10.714.164.290</u>	<u>8.446.046.986</u>
6. Các khoản phải thu khác:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH thương mại xây dựng và kinh doanh nhà An Phúc		
Phải thu khác	18.789.089.760	19.877.225.839
Cộng	<u>18.789.089.760</u>	<u>19.877.225.839</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:**

Công ty trích lập dự phòng 100% cho những khoản phải thu không có khả năng thu hồi.

Số đầu năm	<u>9,341,429.873</u>
Trích lập dự phòng bổ sung	
Hoàn nhập dự phòng	
Số cuối kỳ	<u><u>9,341,429,873</u></u>

8. Hàng tồn kho:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên vật liệu		
Công cụ, dụng cụ		
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	161.990.784.846	162.954.484.954
Thành phẩm		
Hàng hóa	<u>31.614.118.535</u>	<u>30.114.244.881</u>
Cộng	<u><u>193.604.903.381</u></u>	<u><u>193.068.729.835</u></u>

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	<u>-</u>
Trích lập dự phòng bổ sung	
Hoàn nhập dự phòng	
Số cuối kỳ	<u><u>-</u></u>

10. Chi phí trả trước ngắn hạn:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
CF trả trước : đơn vị nội bộ NHơn Trạch				
CF trả trước - KD đất				
CF trả trước -Xây lắp				
CF trả trước khác	94.091.859	2.007.201.803	(2.028.696.156)	72.597.506
Cộng	<u><u>94.091.859</u></u>	<u><u>2.007.201.803</u></u>	<u><u>(2.028.696.156)</u></u>	<u><u>72.597.506</u></u>

11. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước:

Thuế nhập khẩu và thuế TNDN tạm nộp :

2.528.435.178 đ

2.528.435.178 đ

12. Tài sản ngắn hạn khác:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	8.030.557.129	7.976.171.012
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	<u>489.751.174</u>	<u>1.392.195.322</u>
Cộng	<u><u>8.520.308.303</u></u>	<u><u>9.368.366.334</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	6.192.433.050	29.050.614.090	2.645.773.570	710,583,049		38.599.403.759
Mua trong năm						
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối năm	6.192.433.050	29.050.614.090	2.645.773.570	710,583,049	-	38.599.403.759
<i>Trong đó</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>		4,446,080,878	1,980,312,629	513,537,322		7,388,103,372
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	4.399.479.665	20.878.565.332	2.562.150.828	633.053.347		28.473.249.172
Khấu hao trong năm	157.711.299	687.799.156	16.724.548	6.171.549		868.406.552
Thanh lý, nhượng bán trong năm						
Số cuối năm	4.557.190.964	21.566.364.488	2.578.875.376	639.224.896		29.341.655.724
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.792.953.385	8.172.048.758	83.622.742	77.529.702		10.126.154.587
Số cuối năm	1.635.242.086	7.484.249.602	66.898.194	71.358.153		9.257.748.035

14. Tài sản cố định vô hình :

	Nguyên giá
Quyền sử dụng đất Tân Châu – AnGiang	1.154.214.755
Quyền sử dụng đất Hà Tiên	
Thời hạn sử dụng: lâu dài	
Đây là tài sản vô hình đặc biệt, không trích khấu hao.	

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-			-
Xây dựng cơ bản dở dang - các đơn vị	285,975,948,069			285,975,948,069
- DA CC Phú Long				
- DA quận 2	285,975,948,069			285,975,948,069
Cộng	285,975,948,069			285,975,948,069

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Đầu tư vào công ty con:**

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần Công ty sở hữu	Vốn đầu tư
Công ty TNHH bê tông đúc sẵn VINA -PSMC	70%	16,126,455,969
Công ty TNHH XD - TM và KD nhà An Phúc	100%	126.348.954.179
Công ty C&T – Ukraina	100%	10,124,917,464
Cộng		152.600.327.612

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh:

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần Công ty sở hữu	Vốn đầu tư
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích	45.67%	7,053,100,000
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phước Hòa	47.75%	38,200,000,000
Công ty CP XD dân dụng và công nghiệp Phía Nam	33.33%	1,000,000,000
Cộng		46,253,100,000

18. Đầu tư dài hạn khác:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biên Tây	1,388,100,000	1,388,100,000
Cộng	1,388,100,000	1,388,100,000

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá đầu tư của công ty con C&T Ukraina	10.124.917.464	10.124.917.464
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	824,290,000	824,290,000
Cộng	10,949,207,464	10,949,207,464

20. Chi phí trả trước dài hạn:

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí trả trước dài hạn- Xưởng Nghi Sơn	1.602.137.541		(400.534.384)	1.201.603.157
Chi phí trả trước dài hạn-Mỏ đá Trà Đuốc		45.454.545	(22.727.274)	22.727.271
Chi phí phát hành trái phiếu			(137,499,994)	
Cộng	1.602.137.541	45.454.545	(423.261.658)	1.224.330.428

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	2,105.611.625
Trích thêm trong kỳ	
Số hoàn nhập trong kỳ	(1.257.512.474)
Số cuối kỳ	848.099.151

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**22. Vay và nợ ngắn hạn:**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn	428.905.475.061	434.516.568.183
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận	38.101.801.214	38.101.801.214
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	38.601.245.095	38.601.245.095
Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4	73.295.103.347	68.695.711.999
Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	67.819.638.840	67.819.638.840
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương VN-CN TP HCM	57.932.680.624	57.932.680.624
Ngân hàng Cp Quận Đới -CN Chợ Lớn	93.985.814.834	93.985.814.834
Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long – Chi nhánh Gia Định	59.372.191.107	69.379.675.577
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam- Thịnh Vượng		
Tổng Công ty xây dựng số 1		
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	12.011.521.970	17.043.471.970
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	6,043,471,970	6,043,471,970
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận	5.968.050.000	11,000,000,000
Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long – Chi nhánh Gia Định		
<i>Phát hành trái phiếu-kỳ hạn 2 năm</i>		
Cộng	<u>440.916.997.031</u>	<u>451.560.040.153</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	<u>451.560.040.153</u>
Số tiền vay phát sinh trong năm	5.000.000.000
Số tiền vay chuyển từ nợ dài hạn đến hạn trả sang nợ dài hạn	
Số tiền vay chuyển từ nợ ngắn hạn sang nợ dài hạn	
Số tiền vay chuyển từ nợ dài hạn sang nợ dài hạn đến hạn trả	
Số tiền đã trả trong năm	<u>(15.643.043.122)</u>
Số cuối năm	<u>440.916.997.031</u>

23. Phải trả cho người bán:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án-kinh doanh đất	3.177.244.000	3,177,244,000
Các đơn vị dịch vụ	5.418.849.177	4.446.985.778
Các đơn vị mua ngoài	3.926.385.104	5.015.399.107
Các đơn vị nội bộ	13.735.687.649	16.326.630.573
Các nhà máy thép	111.032.818.108	122.219.075.297
Các nhà máy xi măng	41.284.608.389	54.475.502.895

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các đầu phụ XL	11.411.782.567	16.276.286.849
Cộng	189.987.374.994	221.937.124.499

24. Người mua trả tiền trước:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng là các đơn vị thành viên		
Khách hàng bên ngoài	12.272.669.965	4.858.697.478
Cộng	12.272.669.965	4.858.697.478

25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>So sánh nợ trong năm</u>	<u>So sánh nợ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	10.381.000	10.381.000	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	136.236.949	136.236.949	-
Thuế xuất, nhập khẩu	(2,236,574,885)			(2,236,574,885)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(359.751.054)	75.890.761		(283.860.293)
Thuế thu nhập cá nhân	512.948.574	45.131.450	29.132.453	528.947.571
Thuế tài nguyên	1,167.512.825	554.950.599	569.767.900	1.152.695.524
Các loại thuế khác			8,000,000	(8.000.000)
Phí bảo vệ môi trường	577.438.140	270.637.080	295.953.480	552.121.740
Cộng	(338.426.400)	1.093.227.839	1.049.471.782	(294.670.343)

Trong đó :

- Tổng số thuế phải nộp Nhà Nước đến 31/03/2015:	2.233.764.835 đ
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước:	2.528.435.178 đ

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu:	0%
- Sắt, thép, vận chuyển; các hoạt động khác:	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.15.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định

26. Chi phí phải trả:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	51.278.184.621	48.145.771.613

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí vận chuyển	982.285.740	677.535.521
Chi phí khác	9.105.405.122	8.108.951.524
Cộng	61.365.875.483	56.932.258.658
27. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác:		
	Số cuối năm	Số đầu năm
BHXH+KPCĐ+BHTN phải nộp	70.732.162	40.304.092
Phải trả cho các khách hàng xây lắp - TK 141	2.405.854.063	3.236.485.222
Đất Rạch Giá	1.415.736.000	1.415.736.000
Khu đô thị mới Thị xã Hà Tiên	37.308.316.665	36.693.963.386
Phải trả khác	108.912.699.357	107.350.012.626
Cộng	150.113.338.247	148.736.501.326
28. Dự phòng phải trả ngắn hạn:		
Dự phòng chi phí bảo hành các công trình xây dựng.		1.870.935.322
Số đầu năm		1.870.935.322
Tăng do trích lập trong kỳ		
Số đã sử dụng trong kỳ		
Số đã hoàn nhập trong kỳ		
Số cuối kỳ		1.870.935.322
29. Phải trả dài hạn khác:		
Khách hàng ứng tiền trước cho các dự án.		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Đầu tư Xây Dựng Phát Triển Sông Đà góp vốn cho dự án Quận 2- TP HCM	113,291,050,670	103,283,566,200
Công ty CP Xây Dựng Số 5 góp vốn dự án An Phúc - Quận 8		
Cộng	113,291,050,670	103,283,566,200
30. Vay và nợ dài hạn:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	87.083.779.619	87.083.779.619
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	22.176.879.619	22.176.879.619
Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long – Chi nhánh Gia Định		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận	64.906.900.000	64.906.900.000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	14.785.290.650	14.868.993.700

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn cá nhân	14.785.290.650	14.868.993.700
Nợ dài hạn khác		
Nợ dài hạn		
<i>Phát hành trái phiếu-kỳ hạn 2 năm</i>		
Cộng	<u>101.869.070.269</u>	<u>101.952.773.319</u>
Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:		
Từ 1 năm trở xuống		-
Trên 1 năm đến 5 năm		101.869.070.269
Tổng nợ		<u>101.869.070.269</u>

Chi tiết số phát sinh như sau:

Số đầu năm	<u>101.952.773.319</u>
Số tiền phát sinh trong năm	297.296.950
Số tiền đã trả trong năm	(381.000.000)
Số tiền vay chuyển từ nợ ngắn hạn sang nợ dài hạn	
Số tiền vay chuyển từ nợ dài hạn sang nợ dài hạn đến hạn trả	
Số tiền vay chuyển từ nợ dài hạn đến hạn trả sang nợ dài hạn	
Số cuối năm	<u>101.869.070.269</u>

31. Vốn chủ sở hữu:**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 31.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong kỳ như sau:

Cổ tức năm trước

Tạm ứng cổ tức năm nay

Cộng**Cổ phiếu:**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10,015,069	10,015,069
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10,015,069	10,015,069
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10,015,069	10,015,069
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	100,000	100,000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu phổ thông	100,000	100,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được bán ra		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9,915,069	9,915,069
- Cổ phiếu phổ thông	9,915,069	9,915,069
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính:

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

32. Quỹ khen thưởng, phúc lợi:

Số đầu năm	664.119.506
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	
Chi quỹ trong kỳ	6.000.000
Số cuối kỳ	658.119.506

33. Nợ khó đòi đã xử lý:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	-	-
Nợ khó đòi đã xử lý trong năm	-	-
Số cuối kỳ	385,152,195	385,152,195

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

	<u>03 Tháng Năm 2015</u>	<u>03 Tháng Năm 2014</u>
Tổng doanh thu	82.010.325.045	235.323.263.802
- Doanh thu bán hàng hóa	57.793.307.270	219.059.235.690
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	245.454.544	610.486.086
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	4.024.612.377	6.762.584.136
- Doanh thu hoạt động xây dựng	19.946.950.854	8.890.957.890
- Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại		
Doanh thu thuần	82.010.325.045	235.323.263.802

2. Giá vốn hàng bán:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	03 Tháng Năm 2015	03 Tháng Năm 2014
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	55.790.696.964	215.014.164.061
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	297.272.725	409.477.944
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	3.658.738.524	6.210.536.451
Giá vốn của hợp đồng xây dựng ^(a)	20.238.802.166	9.271.379.509
Cộng	230.905.557.965	230.905.557.965

Chi tiết của giá vốn hợp đồng xây dựng(a) :

	03Tháng Năm 2015	03Tháng Năm 2014
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp		2.031.132.913
Chi nhân công trực tiếp		231.420.000
Chi phí sản xuất chung	18.057.716.875	4.723.914.453
Tổng chi phí sản xuất	18.057.716.875	6.986.467.367
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	365.665.525	2.284.912.142
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	20.238.802.166	9.271.379.509

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	03 Tháng Năm 2015	03 Tháng Năm 2014
Lãi tiền gửi	5.173.849.774	1.029.956.375
Lãi tiền cho vay, lãi tiền gửi có kỳ hạn	514.608.531	1.363.157.738
Lãi bán hàng trả chậm	257.310.032	641.535.272
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		512.721.111
Lãi chứng khoán		
Cổ tức được chia		15.993.400
Lãi chuyển nhượng vốn	23.806.199	7.941.152
Cộng	5.969.574.536	3.571.305.048

4. Chi phí tài chính:

	03 Tháng Năm 2015	03 Tháng Năm 2014
Chi phí lãi vay	8.518.351.094	17.611.722.724
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính		
Chi phí tài chính khác	16.676.946	
Cộng	8.535.028.040	17.611.722.724

5. Chi phí bán hàng:

	03Tháng Năm 2015	03Tháng Năm 2014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	755.640.903	317.964.714
Chi phí khác	744.290.700	563.569.710
Cộng	1.499.931.603	881.534.424

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	03 Tháng Năm 2015	03 Tháng Năm 2014
Chi phí cho nhân viên	886.690.264	934.369.996
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.110.388	60.894.731
Chi phí khác	1.465.323.958	2.325.083.908
Cộng	2.373.124.610	3.320.348.635

7. Thu nhập khác

	03 Tháng Năm 2015	03 Tháng Năm 2014
Thanh lý tài sản cố định		
Thu tiền phạt, bồi thường VPHĐ		
Thu khác	-	14.700.000
Cộng	-	14.700.000

8. Chi phí khác

	03 Tháng Năm 2015	03 Tháng Năm 2014
Chi phí thanh lý tài sản cố định		
Trả tiền phạt thuế, bồi thường vi phạm hợp		
Chi khác	-	33.067.067
Cộng	-	33.067.067

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	03 Tháng Năm 2015	03 Tháng Năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.747.098.286)	(14.207.285.419)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.747.098.286)	(14.207.285.419)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9,915,069	9,915,069
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(580)	(1.433)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	03 Tháng Năm 2015	03 Tháng Năm 2014
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	9,915,069	9,915,069
Ảnh hưởng của phát hành của CP trong kỳ		
Mua Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9,915,069	9,915,069

VII. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH:**Quản lý rủi ro vốn**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. THUYẾT MINH VỀ CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA QUÝ 1-2015 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC :

Lợi nhuận sau thuế lỗ so với cùng kỳ năm trước là do nguyên nhân sau :

- Doanh thu Quý 1-2015 là 82 tỷ đồng đạt 35 % so với cùng kỳ Quý 1- 2014.
- Chi phí tài chính quý 01-2015 có giảm 48 % so với quý 01/2014 nhưng các dự án đã ngừng vốn hóa từ quý 03/2013 nên chi phí kinh doanh phải gánh chịu thêm khoản tương ứng trên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2015



Trương Quốc Cường
Người lập



Phạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Công Quốc Bảo
Tổng Giám đốc